

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-PT
Ngày 06-11-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, việc nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

Bà Bùi Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30-7-2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Tr; nơi cư trú: Tổ dân phố Tống Xá, phường Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Th Th; nơi cư trú: Số 23/225 Phủ Thượng Đoạn, acphường Đông Hải 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Siện; nơi cư trú: Tổ dân phố Tống Xá, phường Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Bá Tr, Luật sư Công ty Luật TNHH Khoa Tín thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

Người kháng cáo: Chị Phạm Th Th - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Tr và chị Phạm Th Th quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD vào ngày 29-6-2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cùng bố mẹ anh Tr ở Kinh Môn, HD. Đến năm 2014, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do quan điểm sống, cách cư xử khác nhau, thậm chí đối lập nhau, không có sự đồng cảm, nhường nhịn nhau nên mâu thuẫn ngày càng sâu sắc và trầm trọng. Từ tháng 12/2015, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai về mọi mặt, anh Tr vẫn ở cùng mẹ ở HD, còn chị Th về ở nhà bố mẹ đẻ ở Hải Phòng. Anh chị đã được hai bên gia đình, bạn bè, các cơ quan tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh Tr nhận thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, vợ chồng luôn nảy sinh bất đồng, mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Th Th.

Chị Phạm Th Th thống nhất lời trình bày của anh Tr. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh Tr không tu chí làm ăn, nợ nần, bất đồng trong kinh tế. Bản thân chị không còn tình cảm với anh Tr, nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh Tr và mẹ anh Tr là bà Siện trả lại khoản tiền đã vay của chị.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 31/7/2013 hiện đang ở với anh Tr. Khi ly hôn cả anh Tr và chị Th đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không ai đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh chị chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn nên anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ngày 08-5-2020, chị Phạm Th Th đã có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Cụ thể: Trong quá trình chung sống chị có đóng góp cho mẹ anh Tr xây nhà với số tiền: 2 cây 1 chỉ vàng trị giá 95.000.000 đồng; 83.000.000 đồng vay của bố mẹ chị; 01 sổ tiết kiệm 30.000.000 đồng; 01 bát hộc: 55.000.000 đồng; anh Tr vay 43.000.000 đồng; 1 xe máy NouvoLX 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 346.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh Tr và bà Siện phải thanh toán trả chị số tiền trên. Do là người trong gia đình nên khi đưa tiền cho bà Siện và anh Tr, chị Th không lập thành văn bản, giấy tờ nên không có tài liệu chứng cứ để cung cấp chứng minh cho yêu cầu của mình.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Siện trình bày:* Từ khi kết hôn, anh Tr và chị Th không đưa cho bà bất kỳ khoản tiền, tài sản nào để xây nhà. Trong quá trình chung sống anh Tr chị Th không những ở nhà bà mà

còn phải cưu mang, đùm bọc, nuôi anh Tr, chị Th và con chung của anh chị, đôi khi bà còn trả nợ cho anh Tr, chị Th vì nhiều lần buôn bán thua lỗ. Đơn yêu cầu của chị Th là không có căn cứ pháp lý, không có cơ sở để chứng minh, không phù hợp với luân thường đạo lý. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của chị Th.

* Với nội dung nêu trên, tại bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30-7-2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Tr được ly hôn với chị Phạm Th Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 31/7/2013 cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi Tr thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân Tr và chị Phạm Th Th không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Tr và chị Th không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án nên Tòa án không giải quyết.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Th buộc anh Tr phải thanh toán trả chị Th số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Th Th yêu cầu bà Trần Thị Siện thanh toán trả chị Th 263.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng) và anh Tr thanh toán trả chị Th 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là chị Phạm Th Th kháng cáo, không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30-7-2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị được nuôi con và buộc bà Trần Thị Siện và anh Tr thanh toán trả chị Th 346.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị đơn là chị Phạm Th Th trình bày: Chị vẫn giữ nguyên nội dung kháng

cáo: Chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 31/7/2013 cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Thời gian vừa qua con chung do anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, cháu vẫn khỏe mạnh, hiện đang học tại Trường tiểu học Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD. Chị yêu cầu được nuôi con vì anh Tr hạn chế quyền thăm nom con của chị. Do Covid nên công ty không có việc và chị đã nghỉ làm công nhân tại Công ty Mai Hương ở huyện An Dương, về ở nhờ và sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ; hiện tại chị bán hàng ở chợ và làm các công việc khác như xay cà phê, giao hàng... chị có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn, thu nhập khoảng 9.000.000 đến 10.000.000 đồng/tháng nhưng do làm tự do nên không có hợp đồng lao động, không có bảng lương cung cấp được cho Tòa án được.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu bà Siện phải trả chị 263.000.000 đồng gồm các khoản tiền sau đây: 2,1 cây vàng trị giá 95.000.000 đồng, là của hồi môn của chị năm 2012 khi cưới bố mẹ chị tặng và chị đã gửi bà Siện cất giữ hộ; Khoảng năm 2013 chị đã đưa cho anh Tr mang về cho bà Siện vay 83.000.000 đồng là tiền vay của bố mẹ chị; 01 bất hộ chị nhờ mẹ đẻ vay và đưa cho bà Siện là 50.000.000 đồng; nhờ bà Siện gửi tiết kiệm là 30.000.000 đồng. Việc đưa các khoản tiền này cho bà Siện không làm giấy tờ hay văn bản gì.

Chị yêu cầu anh Tr phải trả chị các khoản tiền sau: 40.000.000 đồng vì cuối năm 2014 đầu năm 2015 chị đưa cho anh Tr 01 chiếc xe máy nhãn hiệu NouvoLX BKS 15B1.307.55 và toàn bộ giấy tờ xe của chị; anh Tr mang đi bán để lấy tiền trả nợ, trị giá chiếc xe lúc đó là 40.000.000 đồng, lúc bán được bao nhiêu thì chị không biết, sau khi anh Tr bán xe về có nói với chị là bán được 16.200.000 đồng nhưng lúc đó còn là vợ chồng nên chị không tính toán; 43.000.000 đồng là khoản tiền vào năm 2017 lúc đó vợ chồng đã ly thân, anh Tr có đến gặp chị và nói chị cho anh Tr vay để trả nợ, chị đưa tiền cho anh Tr nhưng không viết giấy biên nhận. Tổng cộng anh Tr đã cầm của chị 83.000.000 đồng, nay ly hôn chị yêu cầu anh Tr phải trả cho chị.

Nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân Tr vắng mặt và có đơn ghi quan điểm ý kiến; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh Tr không đồng ý với toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Phạm Th Th, anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về quan hệ hôn nhân, chị Th không kháng cáo và đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì; về việc nuôi con: Anh đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Xuân Thịnh cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu hiện đang học tập sinh sống ổn định cùng anh ở HD, anh không cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung; việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh không đồng ý với yêu cầu của chị Th vì anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh không nhận 43.000.000 đồng của chị Th nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu này của chị Th; chị Th tự bán chiếc xe máy NouvoLX BKS 15B1.307.55 vì giấy tờ xe mang tên chị và đưa cho anh số tiền 15.000.000 đồng, anh sử dụng chi tiêu cá nhân nên anh đồng ý trả lại cho chị Th

15.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị Siện vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Siện trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu của chị Th về việc yêu cầu bà thanh toán 263.000.000 đồng. Từ khi kết hôn, anh Tr và chị Th không đưa cho bà bất kỳ khoản tiền, tài sản nào để xây nhà, bà Siện không nhận khoản tiền nào do chị Th gửi giữ. Yêu cầu của chị Th là không có cơ sở để chứng minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm và đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Kháng cáo của chị Phạm Th Th tuân thủ đúng thời hạn và quy định nên được coi là kháng cáo hợp lệ đề nghị xem xét giải quyết.

Về hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh Nguyễn Xuân Tr được ly hôn với chị Phạm Th Th, hai bên đương sự không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xét.

Về con chung: Hiện nay, con chung đang ở với anh Tr và đang học tại HD cùng anh Tr có chỗ ở ổn định, được chăm sóc tốt về sinh hoạt, học tập, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Nguyễn Xuân Thịnh cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Tr thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Về tài sản chung: Chị Th kháng cáo yêu cầu bà Siện và anh Tr phải thanh toán 346.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Anh Tr xác nhận đã nhận có trách nhiệm trả cho chị Th tiền bán xe máy là 15.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu, buộc anh Trường phải trả chị số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30-7-2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của chị Th không được chấp nhận nên chị Phạm Th Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Ngày 11 tháng 8 năm 2020, bị đơn là chị Phạm Th Th kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng là trong thời hạn luật định. Chị Phạm Th Th đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của chị Phạm Th Th là hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Xuân Tr, bà Trần Thị Siện đã nhận được các văn bản tổng đạt của Tòa án hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Tr, bà Trần Thị Siện.

- Xét kháng cáo của chị Phạm Th Th :

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Về điều kiện nhà ở, công việc, thu nhập, điều kiện chăm sóc con: Cả anh Tr và chị Th hiện đều đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Trong trường hợp giao con cho ai nuôi thì gia đình hai bên cũng sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Anh Tr và chị Th đều trình bày thể hiện cả hai đều có công việc, có thu nhập ổn định hàng tháng đủ để nuôi dưỡng con. Do vậy, khả năng và điều kiện nuôi con của hai bên là như nhau.

[3.2] Chị Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giao con cho chị được nuôi vì cho rằng anh Tr ngăn cản việc chăm sóc con khi chị gọi điện thoại không cho gặp con, bị bà nội và bố ngăn cấm. Xét thấy hiện nay, con chung đang ở với anh Tr và đang học tại HD; chị Th và anh Tr đều có công việc và thu nhập hàng tháng. Song xét thấy, cháu Thịnh đang sinh hoạt ổn định cùng anh Tr và học tập tại trường tiểu học Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD. Cháu có nguyện vọng được ở với bố và không muốn xa thầy cô, bạn bè. Nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần, việc học tập, sinh hoạt ổn định, cần giao con chung của anh chị là cháu Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 31-7-2013 cho anh Tr trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung:

Xét kháng cáo của chị Th về việc yêu cầu bà Siện phải trả cho chị 263.000.000 đồng chị đã gửi bà Siện gồm: 2 cây 1 chỉ vàng trị giá 95.000.000 đồng; 83.000.000 đồng vay của bố mẹ chị; 01 bát họ: 55.000.000 đồng; 30.000.000 đồng và yêu cầu anh Tr phải thanh toán trả cho chị 83.000.000 đồng chị Th bao

gồm: Năm 2015 anh Thường mượn xe máy Nouvo của chị trị giá 40.000.000 đồng đi bán lấy tiền trả nợ và năm 2017 anh Tr vay chị 43.000.000 đồng.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, chị Th không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bà Siện không thừa nhận đã nhận cầm hoặc vay của chị Th số tiền như chị trình bày. Anh Tr xác nhận đã nhận và có trách nhiệm trả chị Th tiền bán xe máy 15.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của chị Th đối với việc yêu cầu bà Siện phải trả số tiền 263.000.000 đồng và anh Trưởng phải thanh toán số tiền 68.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu, buộc anh Trưởng phải thanh toán trả chị số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Sau này khi có các tài liệu chứng cứ chứng minh, chị Th có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th yêu cầu anh Tr thực hiện việc hỗ trợ chị sau khi ly hôn từ 100 đến 150 triệu đồng như anh Tr đã nêu tại cấp sơ thẩm; anh Tr vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu qua trao đổi với anh Tr, đến nay anh Tr không đồng ý hỗ trợ và hai bên sẽ tự giải quyết sau; vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở đặt vấn đề giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Th Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Th không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phạm Th Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 26., điểm a, b khoản 5 Điều 27, , khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Th Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân Tr ly hôn chị Phạm Th Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2013 cho anh Nguyễn Xuân Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Xuân Tr và chị Phạm Th Th không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Th Th, buộc anh Nguyễn Xuân Tr phải thanh toán trả chị Phạm Th Th số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Th Th về việc yêu cầu: bà Trần Thị Siện thanh toán 263.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng) và anh Nguyễn Xuân Tr thanh toán 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Xuân Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 750.000 đồng án phí dân sự đối với trách nhiệm trả tiền cho chị Phạm Th Th; tổng cộng, anh Nguyễn Xuân Tr phải nộp 780.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Xuân Tr đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005532 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng; anh Nguyễn Xuân Tr còn phải nộp 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phạm Th Th phải nộp 16.550.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng, chị Phạm Th Th phải nộp 16.850.000 (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.650.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005677 ngày 29 tháng 5 năm 2020 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0017824 ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Phòng; chị Th còn phải nộp 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

- Bà Trần Thị Siện không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận HA, TP.Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận HA, TP. Hải Phòng;
- UBND xã Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh HD
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy